

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 25-4-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quốc

2. Bà Lý Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị S, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản D, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản D, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Anh T hiện đang chấp hành án đội 30, trại giam YH, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09-11-2021 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06-6-2013, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lò Văn T nghiện ma túy, chị S cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, cuộc sống vợ chồng

thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn, việc anh T sử dụng ma túy đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái (anh T hiện đang chấp hành án tại đội 30, trại giam YH, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La). Chị S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T có 02 (hai) con chung, cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Lò Bảo Tr, sinh ngày 20/3/2014. Hiện tại cả hai cháu đang sống chung với chị Lò Thị S.

Chị Lò Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Lò Thị Ngọc B và cháu Lò Bảo Tr, không yêu cầu anh Lò Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị S cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2022 tại trại giam YH, anh Lò Văn T khai xác nhận:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị S đăng ký kết hôn với nhau khoảng tháng 3 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại đội 30, trại giam YH, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Lò Văn T nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị S có 02 (hai) con chung, cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Lò Bảo Tr, sinh ngày 20/3/2014.

Anh Lò Văn T nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Lò Thị Ngọc B và cháu Lò Bảo Tr, không yêu cầu chị Lò Thị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có hai xe gắn máy: 01 xe exciter 135, trị giá 20.000.000 đồng; 01 xe sirius trị giá 10.000.000 đồng.

Nếu ly hôn anh T đề nghị được sở hữu cả hai chiếc xe trên.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2022 tại trại giam YH, anh Lò Văn T khai xác nhận:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị S đăng ký kết hôn với nhau tháng 3 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh

phúc đến khoảng tháng 11 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại đội 30, trại giam YH, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, không có điều kiện chăm sóc gia đình, chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Lò Văn T nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị S có 02 (hai) con chung, cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Lò Bảo Tr, sinh ngày 20/3/2014.

Anh Lò Văn T nhất trí giao cả hai cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Lò Bảo Tr, sinh ngày 20/3/2014 cho chị Lò Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 21/02/2022, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị S đã giao nộp, chị S không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật:

Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết của thẩm phán và quá trình xét xử của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đang chấp hành án tại đội 30, trại giam YH, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn T.

Về con chung: Giao cả hai cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Lò Bảo Tr, sinh ngày 20/3/2014 cho chị Lò Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị S, anh Lò Văn T đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị S yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T có địa chỉ tại bản D, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị S, bị đơn anh Lò Văn T: nguyên đơn chị Lò Thị S đã được triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lò Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06-6-2013, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, chị S cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn, việc anh T sử dụng ma túy đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái (anh T hiện đang chấp hành án tại đội 30, trại giam YH, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La). Chị S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn T. Anh T nhất trí ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị S được ly hôn anh Lò Văn T. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T có 02 con chung là cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Lò Bảo Tr, sinh ngày 20/3/2014. Hiện nay cả hai cháu Ngọc B, Bảo Tr đang được chị S chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy và chăm sóc cả hai cháu Lò Thị Ngọc B và Lò Bảo Tr. Anh T nhất trí giao cả hai cháu Ngọc B, Bảo Tr cho chị Lò Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Tòa án: chị S có nơi cư trú ổn định, hiện nay làm trồng trọt, chăn nuôi. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/02/2022 nguyện vọng của các cháu Lò Thị Ngọc B và Lò Bảo Tr là các cháu muốn ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cần giao cả hai cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Lò Bảo Tr, sinh ngày 20/3/2014 cho chị Lò Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị S không yêu cầu, anh T không có khả năng cấp dưỡng).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị S, anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị S được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Lò Bảo Tr, sinh ngày 20/3/2014 cho chị Lò Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T không có nợ chung.

6. Về án phí: Chị Lò Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số:

AA/2021/0000845, ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị S, anh Lò Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã TL, huyện TC;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng